

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-6-2018  
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Phước Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thành Nghiêm.

Ông Trần Văn Lâm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tuấn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thanh L.

Cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

***- Bị đơn:*** Anh Phạm Hoàng P.

Cư trú tại: Ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thanh L trình bày:*

Vào tháng 12 năm 1998, chị Nguyễn Thanh L và anh Phạm Hoàng P tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau, sau đó anh, chị về chung sống với nhau như vợ, chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới, chị L về làm dâu bên nhà anh P tại ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Anh, chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian. Đến năm

2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, làm cho cuộc sống anh, chị không còn hạnh phúc nên anh, chị không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, chị L và anh P có một con chung tên Phạm Hoàng V, sinh năm 1999. Về tài sản chung: Chị L và anh P tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có.

*Nay chị Nguyễn Thanh L yêu cầu Tòa án giải quyết:*

- Về hôn nhân: Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị L và anh P là vợ chồng.

- Về con chung: Con chung tên Phạm Hoàng V, sinh năm 1999, hiện nay đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị L và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Hoàng P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn là đúng sự thật, chúng tôi tổ chức đám cưới năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn. Năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, chúng tôi không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Hiện nay chúng tôi không còn tình cảm với nhau nữa.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Phạm Hoàng V, sinh năm 1999 đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có.

Nay trước yêu cầu của chị Nguyễn Thanh L, anh Phạm Hoàng P trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Hoàng P đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thanh L.

- Về con chung: Con chung tên Phạm Hoàng V, sinh năm 1999 đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Phúc và chị Nguyễn Thanh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thanh L và anh Phạm Hoàng P là quan hệ vợ chồng; về con chung tên Phạm Hoàng V, sinh năm 1999, đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thanh L cư trú tại ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và anh Phạm Hoàng P cư trú tại ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận giữa chị với anh P là quan hệ vợ chồng. Chị L đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho chị L nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị L đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của chị Nguyễn Thanh L là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn anh Phạm Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Hoàng P.

#### **[2] Về nội dung:**

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh L, sinh năm 1980 và anh Phạm Hoàng P, sinh năm 1979 tự nguyện cưới nhau vào tháng 12 năm 1998 và chung sống cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ giữa chị L và anh P không phải là quan hệ vợ chồng. Trong quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã nhau nên anh, chị không còn sống chung với

nhau từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Do tình cảm không còn nên chị L đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu Tòa án không công nhận chị L và anh P là quan hệ vợ chồng.

[4] Xét lý do yêu cầu Tòa án không công nhận là quan hệ vợ chồng của chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng chị L và anh P không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thanh L và anh Phạm Hoàng P là quan hệ vợ chồng.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thanh L và anh Phạm Hoàng P có 01 con chung tên Phạm Hoàng V, sinh năm 1999, đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân, chị L và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị L và anh P thống nhất anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị L và anh P thống nhất anh, chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị Nguyễn Thanh L là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Anh Phạm Hoàng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thanh L và anh Phạm Hoàng P.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thanh L và anh Phạm Hoàng P có 01 con chung tên Phạm Hoàng V, sinh năm 1999, đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân. Chị L và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh P thống nhất anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị L và anh P thống nhất anh, chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0000024 ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng và như vậy chị Nguyễn Thanh L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Đặng Phước Tuấn**